

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌNH LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 01/2023/DSST  
Ngày 09 - 01 - 2024  
V/v: “Tranh chấp Quyền  
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thanh Minh

2. Ông Nguyễn Ngọc Châu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa:***

Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên

Trong các ngày 23 tháng 9 năm 2023, ngày 15 tháng 11 năm 2023, ngày 22 tháng 11 năm 2023, ngày 19 tháng 12 năm 2023 và ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2022/TLST – DS ngày 07/10/2022, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Võ Văn T, sinh năm 1954 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú tại: Tổ A, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

***2. Bị đơn:*** 2.1. Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ F, ấp A, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

2.2. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ông Đinh Văn B, sinh năm 1976 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú tại: Tổ G, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước

3.2. Ông Dương Đình H, sinh năm 1954 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

3.3 Ông Võ Anh T1, sinh năm 1978 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú tại: Tổ A, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

3.4. Ủy ban nhân dân thị xã B.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Mạnh H1, Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B (Xin vắng mặt).

4. *Những người làm chứng:*

4.1. Ông Thân Văn D, sinh năm 1950; Địa chỉ: Tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Có mặt phiên xét xử, vắng mặt phiên tuyên án).

4.2. Ông Nguyễn Chung N, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Có mặt phiên xét xử, vắng mặt phiên tuyên án).

4.3. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Có mặt phiên xét xử, vắng mặt phiên tuyên án).

4.4. Ông Châu Văn Đ, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ D, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Có mặt phiên xét xử, vắng mặt phiên tuyên án).

4.5. Bà Ngô Thị C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

4.6. Bà Đoàn Thị Diễm T2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

4.7. Bà Lê Thị M, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ F, khu phố B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

4.8. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Có mặt phiên xét xử, vắng mặt phiên tuyên án).

4.9. Bà Ngô Thị M1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Xin vắng mặt) .

4.9. Bà Ninh Thị V, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Xin vắng mặt).

4.10. Ông Đặng Văn L1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (Xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản lời khai tại Tòa án, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày: Vào năm 1982 ông T từ thị trấn C đến và làm ăn sinh sống tại tổ A, ấp P, xã A, huyện B, tỉnh Sông Bé, từ năm 1983 đến thời gian khoảng năm 1990 để tạo lập cuộc sống gia đình ông T có khai phá và canh tác 01 miếng đất tại tổ A, ấp P, xã A, huyện B, tỉnh Sông Bé nay là khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, diện tích cả khu vực lớn gồm nhiều mảnh trong đó có một mảnh nay đo đạc diện tích là 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019. Quá trình sử dụng đất: Khai phá ban đầu canh tác trồng cây ngắn ngày, trồng đậu, sau đó

do khó khăn nguồn nước nên đến năm 1998 gia đình trồng xá cừ, không quản lý được nên trâu, bò phá, nay không có cây trồng trên đất. Ngày 18/10/2021 ông T tiến hành các thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có bà Nguyễn Thị P1 và Nguyễn Thành P tranh chấp phần đất này, Ủy ban nhân dân phường A đã hoà giải nhưng không đi đến thống nhất. Nay ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết “Công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B, ngày 11/10/2019 là của ông Võ Văn T”. “Ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của ông T đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước”.

Bị đơn ông Nguyễn Thành P trình bày: Ông P không đồng ý theo yêu cầu của ông Võ Văn T.

Về nguồn gốc: Năm 2004, ông P nhận chuyển nhượng của ông Lê Hữu N1 hai mảnh đất; mảnh thứ nhất thửa 155, diện tích 678m<sup>2</sup>, thửa 193 diện tích 622m<sup>2</sup>, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, liền kề với mảnh đất hiện nay đang tranh chấp với ông T và bà P1, hai mảnh đất đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên Lê Hữu N1, đến năm 2014 ông P mới làm thủ tục sang nhượng. Ngoài hai mảnh đất nói trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ngày 21/6/2004 ông P có mua thêm thửa đất số 156 diện tích 669m<sup>2</sup> và thửa 500 diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước chưa được cấp sổ mà hiện nay ông T và bà P1 đang tranh chấp là cùng nằm trên một dãy đất có tổng diện tích 2134m<sup>2</sup>. Cả 4 thửa đất trên đều do bà Lê Thị Thanh V1, không rõ năm sinh, địa chỉ tổ A, ấp P, xã T, thị xã B bán cho ông P. Trên 4 thửa đất có 2 nền nhà gỗ, nhà tạm (bán kiên cố), trồng trên đất 40 cây ăn trái, trồng từ những năm 1988 (mít, bưởi, chanh, ổi, táo, sery ...). Ba thửa trên đã được cấp sổ, diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01 chưa được cấp sổ vì kế bên thửa đất có một con đường đi vào mảnh đất của ông Đinh Văn B chúng tôi chưa thỏa thuận được nên chưa làm sổ được. Nay ông Nguyễn Thành P phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết “Công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của ông Nguyễn Thành P”. Ông Nguyễn Thành P yêu cầu Tòa án giải quyết “Buộc ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của ông P đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P1 trình bày: Bà Nguyễn Thị P1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Võ Văn T và ông Nguyễn Thành P.

Về nguồn gốc: Năm 1996 bà P1 có mua (Nhận chuyển nhượng) của gia đình bà Ngô Thị Mai m mảnh đất diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số

01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, giá 1.000.000 đồng, tính thành vàng khí đó là 2 chỉ vàng. Trên đất có một cái căn nhà đã bị tháo dỡ còn lại móng nhà xây và cột gỗ, bà P1 đập phá để đào đá bán lấy tiền tiêu xài, sinh hoạt, trong đó có bà Ngô Thị D1 và bà Đoàn Thị Diễm T2 đến xin đào cùng bà P1 bán, đến năm 1998 do bị tai nạn sập hầm đá, bị gãy tay, một thời gian sau bình phục sức khỏe, bà P1 tiếp tục đào đá bán cho đến năm 2004 Công ty V2 về quản lý khai thác, Nhà nước cấm không cho đào đá nữa. Cũng trong năm 2004 bà P1 phải mua đất của Công ty V2 để đổ đất, san lấp mặt bằng, có xe máy mức san lấp. Trên đất bà P1 có trồng được 20 cây Xà cừ, 20 cây Điều, chôn cột Bê tông, kéo kẽm gai bốn xung quanh mảnh đất, chôn cây xương rồng, năm 2019 bà P1 liên hệ đo đạc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó đang làm thủ tục, thì cán bộ địa chính phường A thông báo là có ông T đang tranh chấp, đến năm 2021 khu phố làm đường nên phá hàng cây xương rồng, chính quyền địa phương có lập biên bản về hiện trạng mảnh đất. Hiện nay bà P1 vẫn đang quản lý mảnh đất.

Bà Nguyễn Thị P1 phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết “Công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của bà Nguyễn Thị P1”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đinh Văn B trình bày: Ông B không đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị P1, ông Võ Văn T và ông Nguyễn Thành P. Tháng 2 năm 1994 gia đình ông B nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn N2 (Không nhớ rõ năm sinh, địa chỉ) một mảnh đất có diện tích 6.500m<sup>2</sup>, nay mảnh đất tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, giá nhận chuyển nhượng 700.000 đồng, tương đương với 90 ngày công khai phá. Gia đình ông B sử dụng lối đi bề ngang khoảng 3m, dài 29m từ mảnh đất của gia đình ra đến mặt đường Bê tông như hiện nay thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Vào thời điểm khoảng năm 2000 – 2002 Nhà nước có tiến hành đo đạc đã có thể hiện con đường nhưng sau này cấp giấy chứng nhận thì cán bộ làm thủ tục bỏ mất con đường hiện nay chỉ làm một mặt đường N. Ông B yêu cầu độc lập cho rằng diện tích con đường có bề ngang 3m dài khoảng 29m từ đường Bê tông vào đất của ông B nằm trong 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước hiện nay bà Nguyễn Thị P1, ông Võ Văn T và ông Nguyễn Thành P đang tranh chấp có con đường đi của ông B đi vào đất từ trước đến nay. Nay ông B yêu cầu độc lập: Ông B yêu cầu Tòa án giải quyết “Công nhận diện tích lối đi ngang 3m dài khoảng 29m tính từ đường Bê tông vào đất của ông Đinh Văn B nằm trong tổng 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước là lối đi của ông Đinh Văn B”. Ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T và ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của đối với diện tích lối đi ngang 3m dài 29m nằm trong tổng diện tích 361,3m<sup>2</sup>



thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước

Ông Võ A T1 trình bày: Ông T1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông Võ Văn T và không bổ sung thêm yêu cầu gì, không tranh chấp gì.

. Ông Dương Đình H thống nhất ý kiến của bà P1, không đồng ý theo yêu cầu của ông Võ Văn T và ông Nguyễn Thành P.

Ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân thị xã B ông Tô Mạnh H1 trình bày: Xác định việc các hộ gia đình ông Võ Văn T, ông Nguyễn Thành P bà Nguyễn Thị P1 và ông Đinh Văn B. Qua đối chiếu giữa bản đồ và thực địa, thửa đất ông T tranh chấp với bà P1, ông P có diện tích 361,3m<sup>2</sup>, số liệu theo bản đồ địa chính. Thửa đất trên, theo bản đồ địa chính chính quy đo đạc vào năm 2000 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích 6077m<sup>2</sup> tại khu phố P, phường A, hồ sơ địa chính tại thời điểm năm 2000 chưa đăng ký tên chủ sử dụng. Năm 2016, sau khi trừ diện tích thi công đường N, ông Đinh Văn B đã đo đạc và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần thửa đất số 154 có diện tích 5054.1m<sup>2</sup>, thửa đất còn lại có diện tích 361,3 m<sup>2</sup>. Hiện tại, thửa đất còn lại (thửa đất bà P1, ông T, ông P cho rằng là đất của mình) chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức hay cá nhân nào. Năm 2021, Ủy ban nhân dân thị xã B tiếp nhận đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị P1, ông Phạm Văn T3, ông Nguyễn Thành P đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà trên thửa đất đã nêu ở trên. Trong quá trình giải quyết, ông T3, ông P, bà P1 không đưa ra được các giấy tờ, bằng chứng để chứng minh được nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất đối với thửa đất trên. Ngày 14/10/2021, Ủy ban nhân dân thị xã B đã ban hành văn bản số 1980/UBND - SX về việc trả lời nội dung đơn đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P1, ông P, ông T3 với nội dung việc bà P1, ông P và ông T3 cho rằng thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của mình là không có cơ sở xem xét giải quyết và không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên, đồng thời giao Ủy ban nhân dân phường A quản lý thửa đất trên. Hiện nay đang tranh chấp là không đủ điều kiện để được cấp đất đề nghị Tòa án xét xử, căn cứ vào tài liệu chứng cứ, hồ sơ cấp giấy chứng nhận, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của những người làm chứng:

Bà Đoàn Thị Diễm T2 trình bày: Bà T2 xác định bà T2 cùng với bà P1 có khai thác đá bán lấy tiền từ năm 1996 đến khoảng năm 2000, mảnh đất mua của bà M1, không rõ diện tích khoảng thời gian năm 1996 đến năm 2000, bà P1 có canh tác trồng rau màu trên mảnh đất.

Bà Ngô Thị C trình bày tại phiên tòa: Bà C vào làm ăn sinh sống tại tổ B, ấp P, thị trấn A, huyện B, tỉnh Sông Bé nay là phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, từ năm 1996, bà C xác định là có thấy mảnh giấy bà P1 mua đất của bà M1 còn nội dung thì không xem, không biết. Bà P1 có khai thác đá trên mảnh đất đang tranh chấp từ năm 1996 đến khoảng năm 2000.

Bà Lê Thị M (là vợ của ông Nguyễn Văn H2) trình bày tại phiên tòa: Bà C làm ăn sinh sống tại tổ B, ấp P, thị trấn A, huyện B, tỉnh Sông Bé nay là phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, từ năm 1990, bà Minh xác đ là bà P1 có mua đất của bà M1. Bà P1 có khai thác đá trên mảnh đất hiện nay đang tranh chấp từ năm 1996 đến khoảng năm 2004, ngoài ra có trồng rau màu.

Bà Nguyễn Thị O trình bày tại phiên tòa: Bà O làm ăn sinh sống từ trước đến nay tại tổ B, ấp P, thị trấn A, huyện B, tỉnh Sông Bé nay là phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, bà O xác định có thấy bà P1 canh tác, có khai thác đá trên mảnh đất đối diện nhà bà O, khu đất ở khu vực đất hiện nay các bên đang tranh chấp, bà P1 canh tác từ năm 1996, đến năm 1998, bà O phải đi làm ăn xa đến năm 2008 về thì không thấy ai canh tác từ đó đến nay.

Ông Thân Văn D, ông Nguyễn Chung N, bà Huỳnh Thị L và ông Châu Văn Đ trình bày tại phiên tòa ngày 23/9/2023: Các ông, bà làm ăn sinh sống từ trước đến nay tại tổ B, ấp P, thị trấn A, huyện B, tỉnh Sông Bé nay là phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước và xác định thời gian khoảng từ 1983 đến 1986 có thấy ông Võ Văn T khai hoang và canh tác, trên khu vực đất rộng trong đó có diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, sau này thì không biết.

Ý kiến của bà Ngô Thị M1 trình bày: Bà M1 xác định vào thời gian khoảng năm 1996 có bán cho bà P1 một mảnh đất có bề ngang 13m dài hết đất nay tọa lạc tại tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bà Ninh Thị V trình bày: Bà V xác định năm 2012 có mua của bà P1 một mảnh đất có bề ngang 6m dài hết đất tọa lạc tại tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Ông Đặng Văn L1 trình bày: Ông L1 xác định thời gian vào khoảng năm 2017 ông L1 có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị P1 một mảnh đất tọa lạc tại khu vực tổ B, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, ông L1 mua của bà P1 ngang 10 dài hết đất, do thời gian đó mua xong bá lại cho người khác nên không nhớ rõ diện tích mua bán cụ thể.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định. Nguyên đơn ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của ông Võ Văn T. Ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Bị đơn ông Nguyễn Thành P phản tố: Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A,

thị xã. B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của ông Nguyễn Thành P. Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của ông P đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước; Bị đơn bà Nguyễn Thị P1 phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của bà Nguyễn Thị P1, bà P1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T, ông Nguyễn Thành P và ông Đinh Văn B; chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị P1 đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước

Yêu cầu của các đương sự là không đủ cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P1.

Tại phiên tòa ông Võ Văn T xin rút yêu cầu khởi kiện; Ông Đinh Văn B xin rút yêu cầu độc lập và ông Nguyễn Thành P xin rút yêu cầu phản tố đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thành P và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại các Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai, căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Tại phiên tòa ông Tô Mạnh H1 là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã B vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Tô Mạnh H1.

- Bà Nguyễn Thị P1 là người có yêu cầu phản tố, quá trình giải quyết vụ án bà P1 có mặt trong các phiên tòa ngày 23/9/2023, 15/11/2023 nhưng tại các phiên tòa ngày 29/11/2023, 19/12/2023 và ngày 09/01/2024 bà P1 vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, niêm yết nhưng bà Nguyễn Thị P1 vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị P1.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của ông Võ Văn T. Ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước. Bà Nguyễn Thị P1 và ông Nguyễn Thành P không đồng ý theo yêu cầu của ông Võ Văn T.

[3] Xét yêu cầu của ông Võ Văn T. Một mảnh đất diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước. Ông T khai rằng có khai phá, quản lý và canh tác mảnh đất từ những năm 1983 đến năm 1990, gia đình ông T khai phá nhiều thửa đất trong đó có mảnh đất có diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, nói trên.

Quá trình sử dụng đất: Khi khai phá ban đầu canh tác trồng cây ngắn ngày, trồng đậu, sau đó do khó khăn nguồn nước nên đến năm 1998 gia đình ông T trồng xa cừ do không quản lý được nên trâu, bò phá, nay không có cây trồng trên đất. Đến ngày 18/10/2021 ông T tiến hành các thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có bà Nguyễn Thị P1 và Nguyễn Thành P tranh chấp phần đất này với nhau, Ủy ban nhân dân phường A có giải quyết hoà giải nhưng không đi đến thống nhất được. Ủy ban nhân dân thị xã B trả lời đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị P1, ông Phạm Văn T3 và ông Nguyễn Thành P, các đương sự ông T3, ông P, bà P1 không đưa ra được các giấy tờ, bằng chứng để chứng minh được nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất đối với thửa đất trên. Ngày 14/10/2021, Ủy ban nhân dân thị xã B đã ban hành văn bản số 1980/UBND - SX về việc trả lời nội dung đơn đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P1, ông P và ông T3 với nội dung việc bà P1, ông P và ông T3 cho rằng thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của mình là không có cơ sở xem xét giải quyết và không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên, đồng thời giao Ủy ban nhân dân phường A quản lý thửa đất trên. Những người làm chứng cho ông T3 cũng chỉ xác định ông T3 có khai hoang trong khu vực đất đang tranh chấp và khai hoang canh tác từ những năm 1983 đến năm 1986, sau này thì không biết. Tại phiên tòa ông T3 xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

[4] Xét yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thành P: Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của ông Nguyễn Thành P. Nguồn gốc mảnh đất có diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01 nói trên là của ông P mua một phần đã được cấp giấy chứng nhận, phần đất này là đang



tranh chấp nên chưa được cấp giấy chứng nhận. Tại phiên tòa ông P xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thành P.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P1, bà P1 yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của bà Nguyễn Thị P1. Bà Nguyễn Thị P1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T và ông Nguyễn Thành P chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị P1 đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước. Bà P1 cho rằng diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, là bà P1 nhận chuyển nhượng của bà M1 vào năm 1996, giấy bị thất lạc, bà O sống đối diện mảnh đất cũng xác định là có biết bà P1 khai thác đá trên đất khu vực trước nhà bà O nhưng từ năm 2008 đến nay xác định không có ai canh tác, đất bỏ hoang. bà P1 xác định có canh tác, có khai thác đá, có trồng rau màu một thời gian, sau này có trồng Xà Cừ nhưng do bị trâu bò phá nên hiện nay không còn. Bà M1 khai chỉ sang nhượng cho bà Phương diện tích khoảng 13m ngang, mảnh đất hiện nay toạ lạc tại khu phố P, phường A, thị xã B nhưng bà P1 đã bán cho ông Đặng Văn L1 10m và bà Ninh Thị V 6m mà vị trí đất gần vị trí đất tranh chấp. Những người làm chứng cho rằng có nghe nói bà P1 mua đất của bà M1, có thấy giấy mua bán nhưng không biết nội dung, có thấy bà P1 khai thác đá từ năm 1996 đến khoảng năm 2000 và có canh tác đến năm 2004. Bà P1 cũng cho rằng khai thác đá bán đến thời điểm năm 2003, 2004 Công ty V2 hoạt động thì bị Nhà nước cấm khai thác đá, khu đất hiện tại không canh tác, chưa được cấp giấy chứng nhận, diện tích đất 361,3m<sup>2</sup> mà bà P1 khai “Có trồng được 20 cây Xà cừ, 20 cây Điều” là không phù hợp, bà P1 khai có chôn cột Bê tông, kéo kẽm gai nhưng thực trạng là đất trống. Ủy ban nhân dân thị xã B đã ban hành văn bản số 1980/UBND - SX ngày 14/10/2021 về việc “Trả lời nội dung đơn đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P1”. Ủy ban nhân dân thị xã B không đồng ý cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị P1. Ngoài ra bà P1 không đưa ra được các giấy tờ, bằng chứng để chứng minh nên không có đủ cơ sở để “Công nhận quyền sử dụng diện tích đất 361,3m<sup>2</sup> nói trên là của bà Nguyễn Thị P1” nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P1.

[6] Ông Đinh Văn B yêu cầu độc lập: Ông Đinh Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích lối đi ngang 3m dài 32,9 tính từ đường Bê tông vào đất của ông B nằm trong tổng 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước là lối đi của ông Đinh Văn B. Tại phiên tòa ông Đinh Văn B xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn B.

[7] Chi phí tố tụng: Căn cứ theo quy định tại các Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông T rút yêu cầu khởi kiện nên ông Võ Văn T chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 5.000.000đ (Năm triệu đồng), được trừ vào

số tiền tạm ứng đã nộp, theo phiếu thu ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

[8] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Do ông Võ Văn T rút yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Thành P rút yêu cầu phản tố, ông Đinh Văn B rút yêu cầu độc lập nên ông Võ Văn T, ông Đinh Văn B và ông Nguyễn Thành P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P1 không được chấp nhận nên bà P1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 203 của Luật đất đai, các Điều 164, Điều 166 và Điều 169 của Bộ luật dân sự, Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc “Yêu cầu Tòa án Công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của ông Võ Văn T” và “Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất đối với mảnh đất có diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước”.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thành P về việc “Yêu cầu Tòa án Công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của ông Nguyễn Thành P” và “Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất đối với mảnh đất có diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước”.

3 Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P1 về việc “Yêu cầu Tòa án Công nhận diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 11/10/2019 là của bà Nguyễn Thị P1”.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn B về việc “Yêu cầu Tòa án công nhận diện tích lối đi ngang 3m dài 29m tính từ đường Bê tông vào đất của ông Đinh Văn B nằm trong tổng 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước là lối đi của ông Đinh Văn B”

và “Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T và ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị P1 chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất đối với diện tích lối đi ngang 3m dài 29m nằm trong tổng diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tổ B, khu K, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước”.

5 Chi phí tố tụng: Căn cứ theo quy định tại các Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Võ Văn T chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ông Tân c được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp, theo phiếu thu ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

6. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

6.1 Ông Võ Văn T và ông Nguyễn Thành P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6.2 Bà Nguyễn Thị P1 chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002915 ngày 03/4/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

6.3 Ông Đinh Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Đinh Văn B 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002923 ngày 14/4/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ này bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS thị xã B;
- Các đương sự;
- CCTHAND thị xã B;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Đình Tùng**

Mảnh đất có diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01 nói trên là của ông **P** mua hai mảnh đất, mảnh thứ nhất thửa 155, diện tích 678m<sup>2</sup>, thửa 193 diện tích 622m<sup>2</sup>, tọa lạc tại **tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước**, liền kề với mảnh đất hiện nay đang tranh chấp với ông **T** và bà **P1**, hai mảnh đất đã đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên **Lê Hữu N1**, đến năm 2014 ông **P** mới làm thủ tục sang nhượng.

Ngoài hai mảnh đất nói trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ngày 21/6/2004 ông **P** có mua thêm thửa đất số 156 diện tích 669m<sup>2</sup> và thửa 500 diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại **tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước** mà chưa được cấp sổ mà hiện nay ông **T** và bà



**P1** đang tranh chấp là cùng nằm trên một dãy đất có tổng diện tích 2134m<sup>2</sup>.

**Cả 4 thửa đất trên đều do bà Lê Thị Thanh V1**, không rõ năm sinh, địa chỉ **tổ A, ấp P, xã T, thị xã B** bán cho ông **P**. Trên 4 thửa đất có 2 nền nhà gỗ, nhà tạm (bán kiên cố), trồng trên đất 40 cây ăn trái, trồng từ những năm 1988 (mít, bưởi, chanh, ổi, táo, sery ...)

Ba thửa trên đã được cấp sổ, diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01 chưa được cấp sổ vì kế bên thửa đất có một con đường đi vào mảnh đất của ông **Đinh Văn B** chúng tôi chưa thỏa thuận được nên chưa làm sổ được.

Ông **Nguyễn Thành P**

trình bày: Ông **P** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Võ Văn T** và bà **Nguyễn Thị P1** chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của ông **P** đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại **tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước**;

Ông **Võ Văn T** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Nguyễn Thành P** và bà **Nguyễn Thị P1** chấm dứt mọi hành vi cản trở trái pháp luật thực hiện quyền sử dụng đất của ông **Võ Văn T** đối với diện tích 361,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại **tổ B, khu K, phường A, thị xã. B, tỉnh Bình Phước**

số AD 991242, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H1266, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/12/2005, đứng tên hộ **L Văn N3** và **Nguyễn Thị T5**; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 396085, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất GCN: CS 11901 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2022, đứng tên ông **Đông Văn T6** và **Bi Thị S** và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 678114, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất GCN: CS 50639 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 23/01/2017, đứng tên ông **C Văn Q** và **L Thị T7**